

BẢN CÔNG KHAI MỨC TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU CỦA KIỂU LOẠI XE

1. Thông tin chung



1.1. Tên cơ sở sản xuất/ nhập khẩu: Công ty TNHH Mô Tô Bến Thành.

1.2. Địa chỉ: Tầng 2, 81 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Bến Thành, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

1.3. Loại xe phương tiện: Xe mô tô 2 bánh /Xe gắn máy 2 bánh/loại xe khác⁽⁺⁾:

1.4. Nhãn hiệu: JAWA

1.5. Tên thương mại: FORTY TWO

1.6. Mã kiểu loại (Số loại): ---

1.7. Số giấy chứng nhận⁽²⁾: 21KXM/350171

1.8. Số Báo cáo thử nghiệm tiêu thụ nhiên liệu số: 4701/NECT-M/21/C, ngày 07/05/2021

2. Thông số kỹ thuật của Xe

2.1. Khối lượng bản thân: 185 (kg)

2.2. Khối lượng toàn bộ lớn nhất: 315 (kg)

2.3. Động cơ

2.3.1. Kiểu động cơ: NBE Loại động cơ: Xăng, 4 kỳ, 1 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng.

2.3.2. Thể tích làm việc (Dung tích xy lanh): 294,72 cm³.

2.3.3. Công suất lớn nhất/số vòng quay: 19,5/7500 kW/rpm

2.4. Hệ thống cung cấp nhiên liệu: ~~Chế hòa khí~~/ phun nhiên liệu/~~khác~~⁽¹⁾

2.5. Hộp số

2.5.1. Điều khiển: Cơ khí/~~Tự động~~⁽¹⁾

2.5.2. Số lượng tỷ số truyền: 6 số

2.5.3. Tỷ số truyền từng cấp số: 2,846/1,813/1,389/1,143/0,957/0,833.

2.6. Tỷ số truyền cuối cùng: 3,461.

2.7. Lốp

2.7.1. Ký hiệu cỡ lốp trực 1: 90/90- 18M/C 51P áp suất lốp: 225 kPa

2.7.2. Ký hiệu cỡ lốp trực 2: 120/80- 17M/C 61P áp suất lốp: 230 kPa

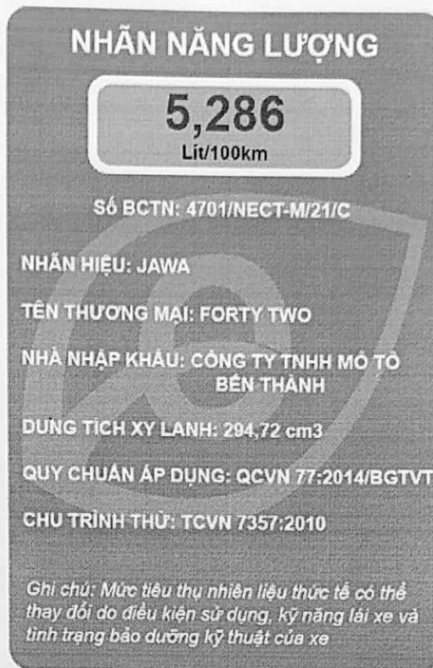
2.8. Vận tốc thiết kế lớn nhất do cơ sở sản xuất quy định: 118 km/h

3. Công khai mức tiêu thụ nhiên liệu

3.1. Chu trình thử: TCVN 7357:2010/ ~~TCVN 7358:2010~~/ ~~TCVN 9726:2013~~⁽¹⁾

3.2. Mức tiêu thụ nhiên liệu công khai: 5,286 l/100km

4. Mẫu nhãn năng lượng công khai



5. Ghi chú (nếu có):

.....
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2021

Công Ty TNHH Mô Tô Bến Thành

GIÁM ĐỐC



ĐẶNG VĂN TRÍ

Ghi chú:

⁽¹⁾ Gạch ngang phần không áp dụng.

⁽²⁾ Đối với xe sản xuất, lắp ráp: số giấy chứng nhận kiểu loại

Đối với xe nhập khẩu: số giấy chứng nhận cấp cho xe nhập khẩu thử nghiệm